

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 98/2024/KDTM-ST
Ngày: 26-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hoá.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Duy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Đúng – Bà Phan Thị Dòn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hiền – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:** Bà Phan Mỹ Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 22/2024/TLST-KDTM ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 720/2024/QĐST-KDTM ngày 30 tháng 7 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số 613/2024/QĐST-KDTM ngày 28 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn: Công ty TNHH một thành viên Q.**

Địa chỉ: Tổ A, Ấp A, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Nguyễn Tấn M**, sinh năm: 1976; Địa chỉ: Số B, khu N, đường L, khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai. (Theo hợp đồng uỷ quyền lập ngày 29/02/2024). (có mặt)

2. **Bị đơn: Công ty TNHH Z.**

Địa chỉ: Số A, Ấp B, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Thành P hoặc bà Nguyễn Khánh H; Cùng địa chỉ: Số A, ấp B, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo giấy uỷ quyền số 05/GUQ ngày 13/5/2024). (ông P, bà H vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/3/2024 của Công ty TNHH Một Thành Viên Q trình bày:

Ngày 18/7/2023 Công ty TNHH Một Thành Viên Q (gọi tắt là Công ty Q) và Công ty TNHH Z (gọi tắt là Công ty Z) ký Hợp đồng mua bán số 18.07/2023/ZYCLENT với nội dung Công ty Q sẽ bán cho Công ty Z hóa chất các loại LAS,... thời hạn hợp đồng từ ngày ký Hợp đồng đến ngày 31/12/2023; số lượng và giá bán theo từng đơn hàng cụ thể do bên mua đặt hàng; địa điểm giao hàng là tại kho bên mua hay nơi nào do bên mua chỉ định; phương thức thanh toán bằng hình thức chuyển khoản hoặc trực tiếp trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày bên bán giao hàng và giao các chứng từ hàng hóa cùng hóa đơn giá trị gia tăng (VAT) cho bên mua. Để thực hiện hợp đồng, Công ty Q đã bán hàng 11 lần theo 11 phiếu xuất kho và 13 hóa đơn VAT, như sau: Hóa đơn số 00000511, ngày 03/8/2023: 78.540.000 đồng; Hóa đơn số 00000529, ngày 09/8/2023: 78.540.000 đồng; Hóa đơn số 00000543, ngày 15/8/2023: 78.540.000 đồng; Hóa đơn số 00000561, ngày 21/8/2023: 60.720.000 đồng; Hóa đơn số 00000591, ngày 31/8/2023: 60.720.000 đồng; Hóa đơn số 00000608, ngày 08/9/2023: 137.984.000 đồng; Hóa đơn số 00000609, ngày 08/9/2023: 4.428.000 đồng; Hóa đơn số 00000610, ngày 08/9/2023: 5.300.000 đồng; Hóa đơn số 00000618, ngày 13/9/2023: 78.540.000 đồng; Hóa đơn số 00000629, ngày 16/9/2023: 62.832.000 đồng; Hóa đơn số 00000633, ngày 26/9/2023: 45.100.000 đồng; Hóa đơn số 00000664, ngày 26/9/2023: 7.650.000 đồng; Hóa đơn số 00000689, ngày 04/10/2023: 39.270.000 đồng. Tổng cộng: 738.164.000 đồng. Tuy nhiên, cho đến ngày 09/01/2024 hai bên đối chiếu công nợ thì phía Công ty Z còn thiếu Công ty Q số tiền là 639.624.000 đồng.

Do Công ty Z đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty Q đã ngưng cung cấp hàng hóa và để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, Công ty Q khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty Z, như sau:

- Thanh toán tiền nợ gốc mua hàng hóa còn thiếu là 639.624.000 đồng;
- Trả tiền lãi suất theo lãi suất chậm thanh toán là 1.66%/tháng x 639.624.000 đồng = 10.617.758 đồng/tháng, tính từ khi xuất hóa đơn VAT cuối cùng là 04/10/2023 cho đến khi có bản án, quyết định cuối cùng của Tòa án; tạm tính lãi suất đến ngày 04/03/2024 là 05 tháng x 10.617.758 đồng = 53.088.790 đồng.

Số tiền tạm tính phải thanh toán đến ngày 04/3/2024 là 692.713.000 (Sáu trăm chín mươi ba triệu, bảy trăm mười ba ngàn) đồng. Kể từ ngày có Quyết định/Bản án của Tòa án, yêu cầu Công ty Z phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Tấn M là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi 1 phần yêu cầu như sau:

- Thanh toán tiền nợ gốc mua hàng hóa còn thiếu là 639.624.000 đồng;
- Trả tiền lãi suất theo lãi suất chậm thanh toán tính từ ngày 28/12/2023 đến ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh trả nợ theo mức lãi suất cho vay trung hạn

trung bình của 3 ngân hàng tại thời điểm thực hiện nghĩa vụ trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại.

Ngoài ra, ông M đại diện cho Công ty Q không có ý kiến và yêu cầu gì thêm.

Bị đơn Công ty Z vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đương sự chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Công ty TNHH Một Thành Viên Q khởi kiện Công ty TNHH Z yêu cầu trả tiền đã mua hàng từ hợp đồng mua bán hàng hoá. Đây là tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hoá trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa hai bên đều có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận, là loại tranh chấp được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn có trụ sở tại huyện B nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Công ty TNHH Z (có người đại diện theo ủy quyền) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bản tự khai và lời trình bày của người đại diện hợp pháp của Công ty Q thì có cơ sở xác định ngày 18/7/2023 Công ty Q và Công ty Z đã ký Hợp đồng mua bán số 18.07/2023/ZYCLENT với thoả thuận Công ty Q bán cho Công ty Z hoá chất các loại LAS,... thời hạn hợp đồng: từ ngày có hiệu lực đến ngày 31/12/2023, số lượng và giá bán theo từng đơn hàng cụ thể do bên mua đặt hàng. Do đó, có căn cứ xác định các bên đã xác lập hợp đồng mua bán hàng hoá theo quy định tại Điều 24 Luật thương mại.

[4] Căn cứ các Phiếu xuất kho ngày 01/8/2023, ngày 09/8/2023, ngày 15/8/2023, ngày 21/8/2023, ngày 31/8/2023, ngày 08/9/2023, ngày 13/9/2023, ngày 24/9/2023, ngày 04/10/2023 và các hoá đơn giá trị gia tăng số 00000511 ngày 03/8/2023: 78.540.000 đồng; Hóa đơn số 00000529 ngày 09/8/2023: 78.540.000 đồng; Hóa đơn số 00000543 ngày 15/8/2023: 78.540.000 đồng; Hóa

đơn số 00000561 ngày 21/8/2023: 60.720.000 đồng; Hóa đơn số 00000591, ngày 31/8/2023: 60.720.000 đồng; Hóa đơn số 00000608 ngày 08/9/2023: 137.984.000 đồng; Hóa đơn số 00000609 ngày 08/9/2023: 4.428.000 đồng; Hóa đơn số 00000610 ngày 08/9/2023: 5.300.000 đồng; Hóa đơn số 00000618 ngày 13/9/2023: 78.540.000 đồng; Hóa đơn số 00000629 ngày 16/9/2023: 62.832.000 đồng; Hóa đơn số 00000633 ngày 26/9/2023: 45.100.000 đồng; Hóa đơn số 00000664 ngày 26/9/2023: 7.650.000 đồng; Hóa đơn số 00000689 ngày 04/10/2023: 39.270.000 đồng; Giấy xác nhận công nợ ngày 26/10/2023, ngày 09/01/2024 giữa Công ty Q và Công ty Z; sự thừa nhận của nguyên đơn có cơ sở xác định nguyên đơn đã thực hiện giao hàng cho bị đơn với khối lượng hàng có tổng giá trị là 738.164.000 đồng. Tính đến ngày 09/01/2024 bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 639.624.000 đồng chưa thanh toán.

[5] Theo Điều 3 của Hợp đồng mua bán số 18.07/2023/ZYCLENT ngày 18/7/2023 thể hiện “3.1.2. *Lập các chứng từ bán hàng bao gồm: Phiếu xuất kho và biên bản giao hàng có đầy đủ chữ ký và dấu đóng mộc của bên bán và bên mua...3.4. Thời hạn thanh toán: từng đơn hàng chỉ được bên mua thanh toán trong thời hạn 45 ngày kể từ khi bên mua nhận đầy đủ hàng hoá và bộ chứng từ thanh toán bao gồm các chứng từ theo khoản 3.1.2 điều này*”. Hồ sơ vụ án thể hiện các đương sự đều xác nhận bên bán đã giao hàng, xuất hóa đơn cho bên mua và bên mua đã nhận hàng đầy đủ, không có tranh chấp gì về số lượng, chất lượng của hàng hóa.

[6] Tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 có quy định: “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Do đó, Công ty Z đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình và phải chịu hậu quả theo quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án là phù hợp pháp luật.

[7] Căn cứ Điều 50 Luật Thương mại năm 2005 (được sửa đổi bổ sung năm 2015 và năm 2019), bị đơn có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng theo thỏa thuận và bên bán có quyền yêu cầu bên mua phải trả tiền hàng theo quy định trong hợp đồng. Theo tại điểm 3.4 Điều 3 của Hợp đồng mua bán số 18.07/2023/ZYCLENT ngày 18/7/2023 thì thời hạn thanh toán là theo từng đơn hàng chỉ được bên mua thanh toán trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày bên mua nhận được hàng hóa và bộ chứng từ thanh toán...Việc bị đơn không thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho nguyên đơn tiền hàng là vi phạm điều khoản thanh toán của hợp đồng nên ngày ngày 26/10/2023 và ngày 09/01/2024 giữa Công ty Q và Công ty Z đã có văn bản xác nhận công nợ với nhau, tính đến ngày 30/11/2023 Công ty Z còn nợ Công ty Q, ngày 01/12/2023 Công ty Z có thanh toán số tiền 20.000.000 đồng, như vậy Công ty Z còn nợ lại Công ty Q số tiền là 639.624.000 đồng.

[8] Theo giấy xác nhận công nợ ngày 09/01/2024, ngày cuối cùng bị đơn đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho nguyên đơn là ngày 01/12/2023,

ngày tiếp theo bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán nợ cho nguyên đơn là ngày 28/12/2023. Tuy nhiên, bị đơn đã vi phạm thỏa thuận công nợ và từ sau ngày 01/12/2023 bị đơn không có thanh toán bất kỳ khoản nợ nào cho nguyên đơn. Do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền hàng chưa thanh toán là 639.624.000 đồng.

[9] Do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi do chậm thanh toán là có căn cứ theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại. Tuy nhiên, căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ - HĐTP được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì trường hợp Hợp đồng thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 306 Luật thương mại năm 2005 thì khi xác định lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm trả, Tòa án căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ba ngân hàng có trụ sở trên địa bàn nơi Tòa án đang giải quyết tại thời điểm xét xử sơ thẩm để quyết định mức lãi suất chậm trả.

[10] Tại văn bản số 39/2024/CV-CNBC ngày 01/8/2024 Ngân hàng TMCP S cung cấp lãi suất cho vay trung dài hạn doanh nghiệp là 11,3%/năm, tại văn bản số 894/NHNNTPHCM-KHDN ngày 14/8/2024 Ngân hàng N-Chi nhánh Nam Thành phố H cung cấp thông tin lãi suất nợ quá hạn trung hạn và dài hạn mà Ngân hàng đang áp dụng đối với lãi suất cho vay trong hạn là 9,2%/năm, tại văn bản số 958/CCTT-TSG-KT ngày 29/7/2024 Ngân hàng TMCP N1-Chi nhánh T cung cấp mức lãi suất cho vay thời hạn cho vay từ trên 12 tháng đến 60 tháng là 9,0%/năm.

[11] Cả 03 ngân hàng này đều áp dụng lãi suất nợ quá hạn không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Như vậy lãi suất nợ quá hạn của Ngân hàng TMCP S là 16,95%, lãi suất nợ quá hạn của ngân hàng A Chi nhánh Nam Thành phố H là 13,8%, lãi suất nợ quá hạn của Ngân hàng TMCP N1-Chi nhánh T là 13,5%. Như vậy, lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả (03 ngân hàng) là $(16,95\% + 13,8\% + 13,5\%) / 3 = 14,75\% / \text{năm}$.

[12] Theo giấy xác nhận công nợ ngày 09/01/2024, ngày tiếp theo bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán nợ cho nguyên đơn là ngày 28/12/2023. Tuy nhiên, bị đơn đã vi phạm thỏa thuận công nợ nên HĐXX yêu cầu bị đơn phải trả lãi chậm thanh toán cho nguyên đơn tính từ ngày 28/12/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (26/9/2024) là 274 ngày. Như vậy, lãi chậm thanh toán mà nguyên đơn phải thanh toán cho bị đơn được tính như sau: $639.624.000 \text{ đồng} \times 14,75\% / \text{năm} \times 274 \text{ ngày} = 70.823.025 \text{ đồng}$.

[13] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[14] Nếu Công ty Z chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo án tuyên, Công ty Z phải trả lãi theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại.

[15] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[16] *Vì các lẽ trên,*

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 34, Điều 55, Điều 300, Điều 306 Luật Thương mại;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Một Thành Viên Q.

2. Buộc Công ty TNHH Z có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH Một Thành Viên Q số tiền 710.447.025 (bảy trăm mười triệu bốn trăm bốn mươi bảy ngàn không trăm hai mươi lăm) đồng, trong đó nợ gốc là 639.624.000 (sáu trăm ba mươi chín triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn) đồng và tiền lãi do chậm thanh toán tính đến ngày 26/9/2024 là 70.823.025 (bảy mươi triệu tám trăm hai mươi ba ngàn không trăm hai mươi lăm) đồng.

Kể từ khi Công ty TNHH Một Thành Viên Q có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH Z chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo án tuyên, Công ty TNHH Z phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại.

Thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí:

3.1. Công ty TNHH Z chịu 32.417.881 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

3.2. Công ty TNHH Một Thành Viên Q được nhận lại số tiền 15.854.260 đồng theo biên lai thu tạm ứng áp phí, lệ phí Tòa án số 0033500 ngày 02/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự Trọng thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM; (1)
- VKSND H. BC; (2)
- Chi cục THADS H.BC; (1)
- Các đương sự; (4)
- Lưu: hồ sơ, VT. (3)



**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Duy Linh